

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **05/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/01/2021

V/v “Yêu cầu không công
nhận quan hệ vợ chồng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Thị Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Tạ Văn Khách**

Ông Phạm Văn Khuyến

- Thư ký phiên tòa: **Bà Vũ Thị Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Ông Lê Thanh Phong** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 379/2020/TLST - HNGĐ ngày 27/10/2020 về việc “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 21/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Bà Nguyễn Thị T**, sinh năm 1971. Vắng mặt.

*** Bị đơn:** **Ông Leo Văn T**, sinh năm 1972. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Leo Văn T xây dựng gia đình với nhau vào năm 1998 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện sau khi có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 tháng. Hai bên chỉ làm đám cưới theo phong tục chứ không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền do ông T quê ngoài Bắc, làm thủ tục xác nhận còn độc thân phức tạp nên bà và ông T định cưới nhau xong rồi làm thủ tục đăng ký kết hôn sau. Nhưng sau đó do bận làm ăn, con nhỏ nên bà và ông T

không nghĩ đến việc đăng ký kết hôn nữa.

Ngay từ khi về chung sống với nhau, bà và ông T đã không có hạnh phúc vì ông T ham chơi, mê cờ bạc, có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con, không đóng góp tiền để bà nuôi con và phát triển kinh tế gia đình. Ngoài ra, ông T còn hay lấy tài sản của nhà đi bán lấy tiền chơi bời. Bà đã khuyên bảo ông T rất nhiều lần nhưng ông T không thay đổi. Từ nguyên nhân này dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Ông T thường xuyên bỏ nhà đi chơi, có khi đi khoảng 10 ngày, có khi đi vài tháng mới về nhà.

Vì nguyên nhân trên nên cuộc sống của hai người không hạnh phúc, bà không còn tình cảm với ông T nữa. Do đó, bà đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T.

- *Về con chung*: Bà và ông T có 02 con chung là Leo Văn Hải – sinh năm 1999 và Leo Thị Thu Hà – sinh năm 2001.

Các con chung đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có

*** Bị đơn ông Leo Văn T trình bày:** Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T thường xuyên không có mặt tại nhà nên Tòa án đã tiến hành làm thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật. Do ông T không đến Tòa án theo Giấy triệu tập nên Tòa án không lấy được lời khai của ông T.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 14, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; và các điều 9, 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T: Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đặng Thị T và ông Leo Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình do nguyên đơn bà Nguyễn Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn ông Leo Văn T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn có nơi cư trú tại xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện Phú Riềng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

Bị đơn ông Leo Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và 2 lần vắng mặt tại phiên tòa; nguyên đơn bà T có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt nên căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

2. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Leo Văn T chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa bà T và ông T đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Leo Văn T theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà T và ông T có 2 con chung là Leo Văn Hải – sinh năm 1999 và Leo Thị Thu Hà – sinh năm 2001.

Cả hai con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Leo Văn T.

2. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011903 ngày 27/10/2020 của Chi cục thi hành án huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Bà T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phú Riềng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Phú Riềng;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Thị Hải